

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CỦA TỈNH QUẢNG NINH

Nguyễn Anh Tú*

Trong những năm qua, cùng với sự tăng trưởng của cả nước, kinh tế của tỉnh Quảng Ninh tăng trưởng cao và là một trong những địa phương dẫn đầu về công nghiệp hóa hiện đại hóa. Thành công trong tăng trưởng kinh tế góp phần xoá đói giảm nghèo, nâng cao mức sống người dân và cải thiện phúc lợi xã hội cho người của Tỉnh. Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Ninh đang còn thấp và còn nhiều nút thắt cho tăng trưởng trong giai đoạn tiếp theo. Bài viết này tập trung đánh giá chất lượng tăng trưởng và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế của Quảng Ninh trong thời gian tới.

1. Chất lượng tăng trưởng và các tiêu chí đánh giá

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng thu nhập hay sản lượng được tính cho toàn bộ nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm). Tăng trưởng kinh tế được xem xét dưới góc độ số lượng và chất lượng. Mặt số lượng của tăng trưởng kinh tế là biểu hiện bên ngoài của sự tăng trưởng, nó thể hiện thông qua các chỉ tiêu đánh giá quy mô và tốc độ tăng trưởng thu nhập.

Mặt chất lượng của tăng trưởng kinh tế là thuộc tính bên trong của quá trình tăng trưởng kinh tế, thể hiện ở hiệu quả của việc đạt được các chỉ tiêu tăng trưởng và khả năng duy trì trong dài hạn. Chất lượng tăng trưởng thể hiện năng lực sử dụng các yếu tố đầu vào, tạo nên tính chất, sự vận động của các chỉ tiêu tăng trưởng và ảnh hưởng lan

tỏa của nó đến các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội.

Chất lượng tăng trưởng có thể được xem xét theo nghĩa rộng hoặc theo nghĩa hẹp. Theo nghĩa hẹp, chất lượng tăng trưởng là thuộc tính bên trong của quá trình tăng trưởng kinh tế, thể hiện qua các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả đạt được mặt số lượng của tăng trưởng và khả năng duy trì nó trong dài hạn. Theo nghĩa rộng, chất lượng tăng trưởng thể hiện năng lực sử dụng các yếu tố đầu vào, tạo nên tính chất, sự vận động của các chỉ tiêu tăng trưởng và ảnh hưởng lan tỏa của nó đến các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội - môi trường.

Trong bài viết này tác giả sử dụng khái niệm chất lượng tăng trưởng theo nghĩa rộng và đánh giá chất lượng tăng trưởng của tỉnh Quảng Ninh theo các nội dung sau:

Thứ nhất, hiệu quả tăng trưởng được thể hiện thông qua sự so sánh giữa kết quả đầu ra của tăng trưởng và các yếu tố chi phí bỏ ra và năng lực cạnh tranh của Tỉnh thông qua chỉ số PCI;

Thứ hai, tác động lan tỏa của tăng trưởng đến đói nghèo, bất bình đẳng và môi trường.

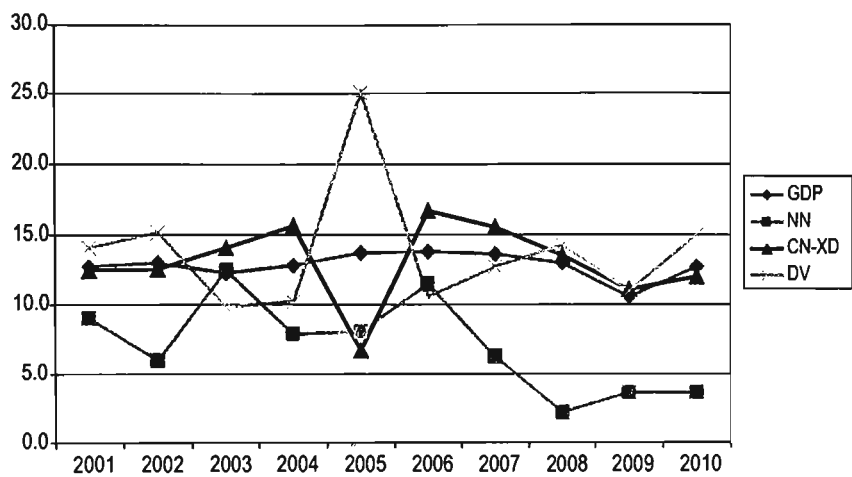
2. Thực trạng về tăng trưởng của tỉnh Quảng Ninh

a. Tốc độ và quy mô tăng trưởng của tỉnh Quảng Ninh

Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh bình quân giai đoạn 2001-2010 đạt 12,8%/năm, trong đó giai đoạn

* Nguyễn Anh Tú, Thạc sỹ, Văn phòng Đảng ủy tỉnh Quảng Ninh.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2001 - 2010



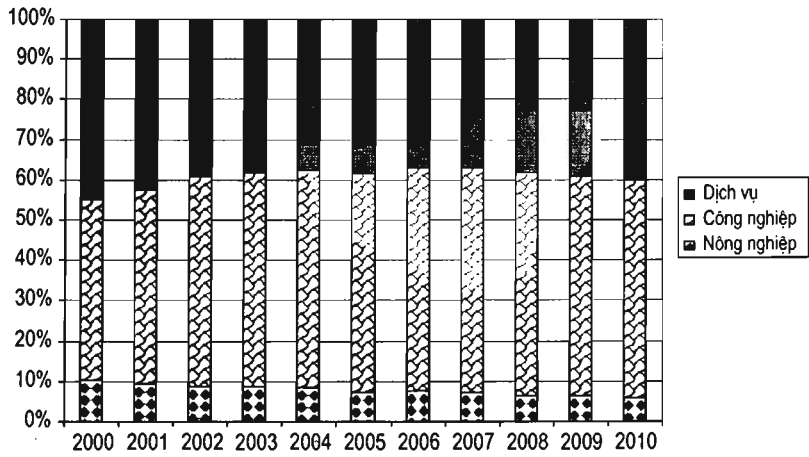
Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Ninh năm 2010

2006 - 2010 tăng bình quân 12,7%/năm cao gấp 1,8 lần tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2006 - 2010 của cả nước (Hình 1). Ngành dịch vụ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2001-2010 là 13,8%, ngành công nghiệp xây dựng tăng trưởng 13,0% và ngành nông nghiệp tăng trưởng 7,03%.

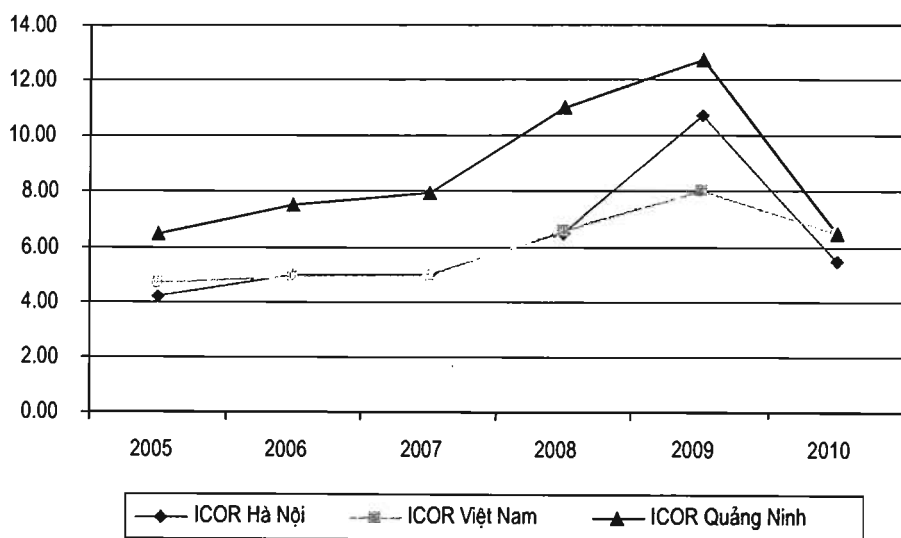
Tốc độ tăng trưởng của tỉnh Quảng Ninh đã suy giảm trong 2 năm 2008 và 2009, do sự tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu, tuy nhiên mức độ giảm không nhiều so với cả nước.

Cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh Quảng Ninh có sự chuyển dịch tích cực dưới góc độ giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp và tăng tỷ trọng ngành phi nông nghiệp (năm 2010 là 94,2%). Tuy nhiên sự chuyển dịch cơ cấu ngành vẫn chưa có tính đột phá và nhìn chung đang còn chậm, tỷ trọng của ngành nông nghiệp tính đến năm 2010 vẫn chiếm 5,8% so với mức 10,4% năm 2000, tỷ trọng của ngành công nghiệp tăng từ 44,6% năm 2000 lên 54,1% năm 2010. Tuy nhiên tỷ trọng của ngành dịch vụ giảm từ 45% xuống

Hình 2: Cơ cấu kinh tế của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2000 - 2010



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Ninh năm 2010

Hình 3: Hệ số ICOR của tỉnh Quảng Ninh so với cả nước và một số địa phương

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Ninh.

còn 40,1%. Đây là một xu hướng không tích cực trong chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh Quảng Ninh, một tỉnh có thuận lợi trong phát triển các ngành dịch vụ.

GDP bình quân đầu người của Tỉnh tăng nhanh trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2010, từ 351 USD năm 2000 lên 1330 USD năm 2010. Như vậy, GDP bình quân đầu người của Tỉnh đã cao hơn mức 1170 USD cả nước.

b. Hiệu quả tăng trưởng kinh tế

Năng suất lao động

Năng suất lao động xã hội của Tỉnh vẫn ở mức thấp, năm 2010 đạt 2.594 USD/người/năm, vẫn thấp hơn so với NSLD của TP. Hải Phòng, TP. Cần Thơ và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Hiệu quả sử dụng vốn

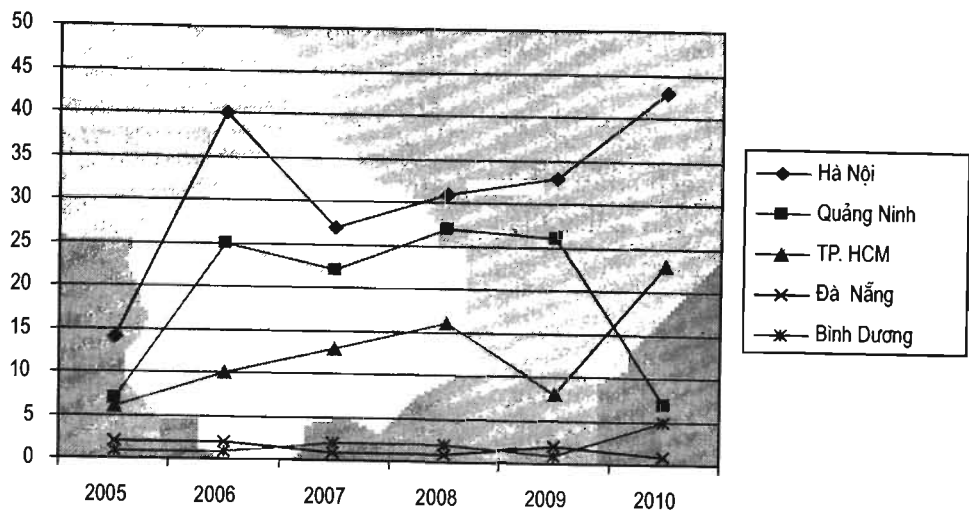
Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp ở Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng đang là một vấn đề hết sức nan giải. Trong giai đoạn 2006-2010, bình quân tỉnh

Quảng Ninh cần phải có khoảng 9 đơn vị đầu tư mới tạo ra được một đơn vị giá trị gia tăng. Như vậy, ICOR của tỉnh Quảng Ninh cao hơn nhiều so với cả nước và thành phố.

c. Năng lực cạnh tranh

Năng lực cạnh tranh của Quảng Ninh được thể hiện thông qua chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI. Kết quả điều tra chỉ số PCI năm 2010 cho thấy, trong số 63 tỉnh, thành phố được điều tra và đánh giá, Quảng Ninh vươn lên xếp vị trí thứ 7 trong cả nước với tổng số điểm là 64,41, thuộc nhóm các tỉnh xếp hạng tốt. Trong đó số điểm tương ứng ở các chỉ số là: chi phí gia nhập thị trường (7,28 điểm); tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất (5,19); tính minh bạch và tiếp cận thông tin (6,48); chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước (7,42); chi phí không chính thức (6,66); tính năng động và tiên phong của lãnh đạo Tỉnh (6,42); dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (5,76); đào tạo lao động (5,94); thiết chế pháp lý (5,23). Như vậy, so với năm 2009, ngoại trừ chỉ số chi phí gia nhập thị trường, ở cả 8 chỉ số còn lại, Quảng Ninh

Hình 4: PCI của Quảng Ninh và các địa phương



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các báo về PCI năm 2005 - 2010.

đều tăng điểm. Kết quả này tiếp tục khẳng định những nỗ lực, sự cố gắng lớn của Tỉnh trong việc tích cực cải thiện môi trường kinh doanh và thu hút đầu tư; quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để phát triển xứng đáng với vị thế một tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

d. Tác động lan tỏa của tăng trưởng

Tăng trưởng kinh tế trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã làm cho

phúc lợi của người dân được cải thiện theo hướng tích cực. Khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân đã gia tăng nhanh, đặc biệt là dịch vụ giáo dục, y tế chăm sóc sức khỏe, nước sạch. Tuy nhiên, quá trình phát triển nhanh đã làm nảy sinh nhiều bất cập như ô nhiễm môi trường, bất bình đẳng gia tăng. Xử lý những vấn đề ô nhiễm môi trường, xây dựng hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp thoát nước, điện...) chưa theo kịp

Hình 5. Tác động của tăng trưởng các vấn đề xã hội của tỉnh Quảng Ninh

		2005	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng số giường bệnh viện	Giường	2591	2,970	2,970	3,035	3,120	3200
Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	6,5	46,7	42,5	54,3	65,1	76,3
Tỷ lệ chết của trẻ sơ sinh dưới 1 tuổi	%	0,76	0,7	0,7	0,5	0,4	0,39
Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi	%	28,1	24,5	22,8	21,1	20,0	18,7
Tỷ lệ hộ nghèo	%	9,28	2,96	8,95	7,40	5,18	4,46
Số xã có điện có đến 31/12 hàng năm	Xã		130	186	186	186	186
Tỷ lệ dân nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%		17,00	39,00	49,97	51,0	...

với tốc độ đô thị hóa và tăng trưởng kinh tế cao. Đây chính là những nút thắt cổ chai đối với tăng trưởng bền vững của Tỉnh.

3. Nguyên nhân của chất lượng tăng trưởng thấp

Thứ nhất, chất lượng của công tác quy hoạch và hoạch định chính sách quản lý rất thấp. Tất cả các vấn nạn như tắc nghẽn giao thông, úng ngập, ô nhiễm môi trường đều có căn nguyên sâu xa từ việc hoạch định chính sách. Kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội còn nhiều bất cập so với yêu cầu phát triển. Huy động vốn đầu tư phát triển xã hội còn thấp so với khả năng, nhu cầu. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện nhưng vẫn còn không ít khó khăn cho doanh nghiệp, nhất là về đất đai, nguồn vốn.

Một số dự án hạ tầng quan trọng phụ thuộc vào chủ trương và nguồn vốn của Trung ương triển khai còn chậm: Đường cao tốc - Hạ Long, Hạ Long - Móng Cái, Sân bay quốc tế Vân Đồn...

Thứ hai, hoạt động của bộ máy chính quyền trên một số lĩnh vực chưa theo kịp yêu cầu phát triển.

Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, tài nguyên (đất, than), môi trường sinh thái, đô thị, dịch vụ văn hoá... chưa theo kịp yêu cầu. Một số địa bàn dễ xảy ra vi phạm nghiêm trọng (quản lý khai thác, tiêu thụ than). Công tác kiểm tra, đôn đốc, tham mưu, đề xuất của một số ngành, địa phương, có mặt, có lúc còn chậm, chưa chủ động. Sự phối hợp giữa một số ngành trong giải quyết công việc chưa đồng bộ. Cải cách thủ tục hành chính tuy đã có nhiều tiến bộ song có mặt chưa đạt yêu cầu, nhất là sự phối hợp giữa một số ngành, địa phương, thái độ phục vụ của một bộ phận công chức.

Thứ ba, chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa gương mẫu trong thực thi công vụ, còn vi phạm kỷ luật. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có mặt hiệu quả chưa cao; phối hợp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của một số ngành, địa phương còn hạn chế. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong quản lý tuy đã có tiến bộ nhưng chưa đáp ứng yêu cầu.

4. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Ninh

Một là, đổi mới mô hình tăng trưởng của Tỉnh

Quảng Ninh là một trong những trụ cột của tam giác phát triển của Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Tăng trưởng kinh tế trong thời gian vẫn dưới mức tiềm năng và chủ yếu theo chiều rộng. Do đó trong thời gian tới cần chuyển mô hình tăng trưởng sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu dựa vào các thế mạnh của Quảng Ninh là kinh tế biển, công nghiệp chế tạo như đóng tàu, công nghiệp hỗ trợ cho ngành đóng tàu, ngành logistics, du lịch và các ngành dịch vụ. Tỉnh Quảng Ninh cần chuyển dịch cơ cấu và tái cấu trúc kinh tế theo hướng đặt chất lượng tăng trưởng lên hàng đầu.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, kinh tế cửa khẩu, trọng tâm là dịch vụ thương mại quốc tế, dịch vụ vận tải đường bộ, đường biển, những lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh nhằm khai thác tốt và khẳng định vị trí cửa ngõ giao lưu chính của Vành đai kinh tế ven biển Vịnh Bắc Bộ và giữa Việt Nam - ASEAN với Trung Quốc.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp gắn với phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng, bảo vệ và giải quyết ô nhiễm môi trường sinh thái. Tạo điều kiện phát triển công nghiệp khai

khoảng theo hướng hiện đại, tiết kiệm tài nguyên, giảm sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thô. Ưu tiên phát triển những ngành có giá trị gia tăng cao, tăng sản phẩm chế tạo, chế biến. Đưa công nghiệp giữ vững vai trò động lực trong phát triển kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp đóng tàu và dịch vụ vận tải biển. Đầu tư có chiều sâu, hiện đại hoá các nhà máy cơ khí đóng tàu hiện có. Tiếp tục nâng cấp, mở rộng hoàn thiện các khu công nghiệp đóng tàu; triển khai xây dựng một số nhà máy đóng tàu. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư đồng bộ hạ tầng các khu công nghiệp đã quy hoạch.

Tạo bước phát triển nhanh, rõ nét về du lịch nhằm khai thác và phát huy tối đa lợi thế Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, Vịnh Bái Tử Long, khu di tích danh thắng Yên Tử và các khu di tích lịch sử văn hoá khác để du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh.

Hai là, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hiện đại, trong đó chú trọng hệ thống giao thông

Chủ động, tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương làm tốt công tác xúc tiến và huy động các nguồn lực trong nước và nước ngoài dưới nhiều hình thức để triển khai xây dựng các công trình hạ tầng có ý nghĩa chiến lược cho sự phát triển, đặc biệt là hạ tầng hệ thống giao thông đường thủy, đường bộ, hàng không, hạ tầng các khu kinh tế, khu cửa khẩu. Chú trọng công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển và chỉnh trang các đô thị theo hướng hiện đại, văn minh.

Đẩy mạnh đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư hạ tầng giao thông, nhất là các tuyến giao thông huyết mạch: đường cao tốc Hạ Long - Móng Cái, đường nối Quảng Ninh với quốc lộ 5B, hoàn thành mở rộng Quốc lộ 18,

đường lên các cửa khẩu, mở rộng cảng Cái Lân, xây dựng sân bay Vân Đồn; đầu tư hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp như: Khu kinh tế Vân Đồn, Khu công nghiệp cảng biển Hải Hà, Khu công nghiệp Phương Nam (Uông Bí), Khu công nghiệp dịch vụ Đầm Nhà Mạc (Yên Hưng), Khu công nghiệp Việt Hưng (Hạ Long); hạ tầng các khu đô thị mới tại Hạ Long, Móng Cái, Uông Bí, Cẩm Phả...

Quan tâm đầu tư các công trình thủy lợi, các trung tâm du lịch, thương mại. Xây dựng mới các tuyến đường dây tải điện quan trọng; ưu tiên đầu tư hệ thống cấp điện cho các đảo. Nâng cấp, mở rộng các nhà máy nước hiện có, phát triển mở rộng mạng lưới cung cấp nước sinh hoạt. Đầu tư nâng cấp hệ thống thoát và xử lý nước thải tại các đô thị.

Ba là, cải thiện môi trường kinh doanh nhằm huy động nguồn lực đầu tư từ các thành phần kinh tế.

Cải thiện môi trường kinh doanh mà trọng tâm là đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo quỹ đất "sạch", tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp, công dân trong giải quyết công việc với cơ quan hành chính Nhà nước các cấp, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai. Nâng cao năng lực quản lý Nhà nước gắn với chuyên môn hoá quy trình giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện công khai hóa các quy trình, thủ tục hành chính và giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp. Quy định rõ chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của các sở, ngành, địa phương và từng công chức ở từng khâu trong quy trình tiếp nhận, xử lý các yêu cầu của doanh nghiệp; giảm chi phí, thời gian cho doanh nghiệp.

Huy động tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển; chú trọng thu hút các đối tác lớn để xây dựng một số công trình hạ tầng kinh tế xã hội quan trọng trên địa bàn Tỉnh. Tăng cường công tác quản lý, thanh tra,

kiểm tra, giám sát đầu tư, để nâng cao chất lượng các dự án đầu tư, chống lãng phí, tiêu cực trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Bốn là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Muốn phát triển bền vững, Quảng Ninh cần nâng cao giá trị nguồn vốn nhân lực. Đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực chất chính là tăng cường đầu tư cho giáo dục - đào tạo. Giải pháp trước mắt đó là nâng cao trình độ văn hoá và trình độ nhận thức cho lực lượng lao động của Tỉnh. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Triển khai có hiệu quả đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Tạo cơ chế liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và Nhà nước để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tập trung củng cố và hiện đại hoá cơ sở vật chất các trường dạy nghề, trung học, cao đẳng, đại học và phân hiệu trường đại học hiện có. Tạo điều kiện thuận lợi nhất về cơ sở vật chất để mở thêm các cơ sở của các trường đại học có uy tín tại Tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, coi trọng thu hút đầu tư đào tạo nghề. Có chính sách phù hợp thu hút nhân tài và nguồn nhân lực có tay nghề, trình độ cao về công tác trên địa bàn Tỉnh.

Kết luận

Trong giai đoạn 2001 - 2010, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục khẳng định vai trò của một trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội của cả nước và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Kinh tế tỉnh Quảng Ninh đã đạt được những thành tựu quan trọng cả về mặt số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế của Tỉnh vẫn đối mặt với nhiều vấn đề tồn

tại trong quá trình phát triển như ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, quản lý đô thị yếu kém, hiệu quả tăng trưởng thấp. Nâng cao chất lượng tăng trưởng là khâu đột phá để Quảng Ninh thực sự là địa bàn động lực và cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp, theo hướng hiện đại, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp phát triển chung của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2010 - 2015.
- Kenichi Ohno, Nguyễn Văn Thường (2006), *Môi trường và Chính sách kinh doanh của Hà Nội*, NXB Lao động Xã hội.
- Lâm Ngọc (2006), “Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam?”, *Kinh tế 2005-2006 Việt Nam và Thế giới*, Thời báo Kinh tế.
- Nguyễn Ngọc Sơn, *Tái cơ cấu kinh tế Việt Nam sau khủng hoảng*, Tạp chí Kinh tế Phát triển tháng 1 năm 2010.
- Nguyễn Ngọc Sơn, *Nâng cao chất lượng tăng trưởng Việt Nam sau khủng hoảng*, Tạp chí kinh tế và Phát triển tháng 2 năm 2010.
- Nguyễn Thị Bích Hường (2005), *Chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Thị Tuệ Anh và Lê Xuân Bá (2005), *Chất lượng tăng trưởng kinh tế - Một số đánh giá ban đầu*, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương và Viện Friedrich Ebert Stiftung, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Thường (2005), *Tăng trưởng kinh tế Việt Nam: Những rào cản cần phải vượt qua*, Nxb. Lý luận chính trị.